

KẾ HOẠCH
Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở giáo dục và Đào tạo Hải Phòng V/v Hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục, trường Tiểu học Ngọc Sơn xây dựng Kế hoạch thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2023 - 2024 trong nhà trường như sau:

I. Mục đích yêu cầu:

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể đoàn kết.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mỗi đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung:

1. Thực hiện 3 công khai.

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục (CLGD) và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của trường, chương trình giáo dục, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở đơn vị, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của BGH; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (thực hiện Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ giao lưu các cấp, số học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình tiểu học (thực hiện theo Biểu mẫu 06)

c) Mức chất lượng tối thiểu: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu.

d) Kiểm định Chất lượng giáo dục: Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn CLGD.

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (thực hiện theo Biểu mẫu 07)

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 08)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 02 năm tiếp theo.

2.3 Công khai thu, chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của các Thông tư

b) Các khoản chi theo năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

d) Kết quả kiểm toán (nếu có):

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận.

đ) Mức thu các khoản thu khác theo từng năm học.

e) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

2. Thực hiện 4 kiểm tra

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH công đoàn nhà trường: Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tại người thu.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho CB-GV - CNV, chế độ tăng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban kiểm tra nội bộ dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

III. Thời gian, hình thức thực hiện công khai

1. Thời gian thực hiện:

- 3 công khai:

+ Công khai các điều kiện cơ sở vật chất: Tháng 9 năm 2023 .

+ Công khai về chất lượng đào tạo: Đầu năm học, giữa học kỳ I, II, cuối học kỳ I và cuối năm học 2023-2024

+ Công khai về tài chính (đặc biệt là công khai về các khoản đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh), thời gian hàng quý, 3 tháng 1 lần có niêm yết công khai trong văn phòng hội đồng trường và bảng tin của trường

- 4 nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra phân bổ ngân sách, nhận chỉ tiêu vào tháng 1/2023 và thông báo trước toàn thể CB-GV-NV (có niêm yết công khai).

+ Kiểm tra các khoản thu tự nguyện ngay từ đầu năm học (biên bản họp của phụ huynh, quy định thu và quy chế chi) .

+ Kiểm tra về chi ngân sách (hàng tháng kiểm tra chứng từ chi, mời phòng tài chính thẩm định sau đó niêm yết công khai).

+ Kiểm tra chất lượng giáo dục (sau mỗi đợt kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và đánh giá ưu, nhược và sự tiến bộ của học sinh, công khai chất lượng giáo dục cho phụ huynh nắm bắt và báo cáo các cấp và ngành kết quả đã đạt được).

2. Hình thức thực hiện

- Công khai trong các thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường.
- Công khai trên website của nhà trường địa chỉ:

<http://c1ngocsonhp.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

IV. Biện pháp thực hiện

Hiệu trưởng có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định tại văn bản triển khai thực hiện này;
- Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý;
- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cấp trên.
- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường:
- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- Đưa lên trang Website của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của trường TH Ngọc Sơn. Trong quá trình triển khai, nhà trường nghiêm túc thực hiện theo đúng chỉ đạo của cấp trên để tạo điều kiện cho người học và xã hội tham gia giám sát đánh giá nhà trường theo Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD của hệ thống giáo dục quốc dân.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Kiến An (để b/c);
- Các tổ khối CM (để t/h);
- Công đoàn (để p/h);
- Trang website ;
- Lưu VT.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGỌC SƠN
Bùi Thị Phi Nga

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC SƠN

Biểu mẫu 2.3

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	1,3m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1,3m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7862 m ²	6 m ² /hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3400 m ²	2,56 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	1508 m ²	52m ² /phòng
1	Diện tích phòng học (m ²)	52m ²	1,3m ² /hs
2	Diện tích thư viện (m ²)	45 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45 m ²	1,1 m ² /hs
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	52m ²	1,3m ² /hs
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ GD học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	60 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	36	6 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	36	6 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	36	6 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	36	6 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	36	6 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn		



	thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp 1	0				
2.2	Khối lớp 2	0				
2.3	Khối lớp 3	0				
2.4	Khối lớp 4	0				
2.5	Khối lớp 5	0				
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		52	25 học sinh/bộ		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi	34				
2	Cát xét					
3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2				
5	Máy quay camera	1				
6	Máy photocopy	1				
7	Máy in	6				
8	Đàn oocgan	3				
9	Máy soi vật thể	29				
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	60,2				
XI	Nhà ăn	60,2				
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		4		0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung				Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XVII	Kết nối internet				x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường				x	
XIX	Tường rào xây				x	



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Phi Nga

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC SƠN

Biểu mẫu 2.4

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		2	45	0	0	0		46	1	0	16	31	0	0
I	Giáo viên	41			41					40	1		14	27	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	5			5					6				6		
	1 Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	2			2					2				2		
3	Tin học	0														
4	Âm nhạc	1			1					2				2		
5	Mỹ thuật	2			2					2				2		
6	Thể dục	0			0											
7	GV văn hoá	36			36	0				35	1		11	25		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3			3	0		
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2			2			
III	Nhân viên	3			3											
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ	0														
4	Nhân viên y tế	0														
5	Nhân viên thư viện	0														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1											
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0														
9	...															

Ngọc Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGỌC SƠN
Bùi Thị Phi Nga

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Từ T9/2022 đến T12/2024	Giáo viên	03	Học tập nâng cao về GDTH	Vừa học vừa làm	Thạc sỹ
4	Từ T10/2023 đến T12/2025	Giáo viên	04	Học tập nâng cao về GDTH	Vừa học vừa làm	Thạc sỹ
5	Từ T10/2022 đến T2/2023	Giáo viên	02	Học tập về nâng hạng GVTH	Vừa học vừa làm	Chứng chỉ
6	Từ T9/2023 đến T10/2025	Giáo viên	02	Học tập nâng cao LLCT	Vừa học vừa làm	Trung cấp
7	Từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023	Giáo viên	02	Học tập nâng cao về chuyên môn GDTH	Trực tuyến	Giấy chứng nhận

Ngọc Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Bùi Thị Phi Nga

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến.....
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận....)

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC SƠN

Biểu mẫu 2.1

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo kế hoạch, độ tuổi quy định	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dạy học theo Bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Môn Mĩ thuật DH theo bộ sách: “Vĩ sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục”. Môn Tiếng Anh theo chương trình Tiếng Anh 1 của Bộ GDĐT	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dạy học theo Bộ sách giáo khoa: “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Môn Mĩ thuật DH theo bộ sách: “Chân trời sáng tạo” bản 1. Môn Tiếng Anh theo chương trình Tiếng Anh 2 của Bộ GDĐT	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dạy học theo Bộ sách giáo khoa: “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Môn Mĩ thuật DH theo bộ sách: “Chân trời sáng tạo” bản 1. Môn Tiếng Anh theo chương trình Tiếng Anh 3 của Bộ GDĐT	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dạy học theo Bộ sách giáo khoa: “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Môn Mĩ thuật DH theo bộ sách: “Chân trời sáng tạo” bản 1. Môn Tiếng Anh theo chương trình Tiếng Anh 4 của Bộ GDĐT	Chương trình Giáo dục phổ thông 2000 hiện hành, theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Môn Tiếng Anh, Tin học theo chương trình của Bộ GDĐT

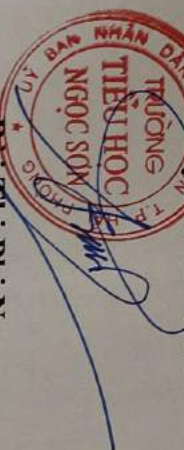


	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình : Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web của đơn vị.	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình : Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web của đơn vị.	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình : Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web của đơn vị.	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web của đơn vị.	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web của đơn vị.
III Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại, zalo hoặc gặp trực tiếp.. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.	- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại, zalo hoặc gặp trực tiếp.. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.	- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại, zalo hoặc gặp trực tiếp.. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.	- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại, zalo hoặc gặp trực tiếp.. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.	- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại, zalo hoặc gặp trực tiếp.. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức tốt hoạt động NGLL theo từng chủ điểm theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.	Tổ chức tốt hoạt động NGLL theo từng chủ điểm theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.	Tổ chức tốt hoạt động NGLL theo từng chủ điểm theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.	Tổ chức tốt hoạt động NGLL theo từng chủ điểm theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi HS.	Tổ chức tốt hoạt động NGLL theo từng chủ điểm theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi HS.

		Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội, sao Nhi đồng	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội, sao Nhi đồng	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội, sao Nhi đồng	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội, sao Nhi đồng	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội, sao Nhi đồng
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- HS có các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo - Có 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Hoàn thành Chương trình các môn học đạt 100% trong đó hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học: 75-80% - Sức khỏe học sinh đạt mức khá trở lên.	- HS có các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo - Có 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Hoàn thành Chương trình các môn học đạt 100% trong đó hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học: 75-80% - Sức khỏe học sinh đạt mức khá trở lên.	- HS có các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo - Có 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Hoàn thành Chương trình các môn học đạt 100% trong đó hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học: 75-80% - Sức khỏe học sinh đạt mức khá trở lên.	- HS có các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo - Có 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Hoàn thành Chương trình các môn học đạt 100% trong đó hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học: 75-80% - Sức khỏe học sinh đạt mức khá trở lên.	- HS có các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo - Có 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Hoàn thành Chương trình các môn học đạt 100% trong đó hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học: 75-80% - Sức khỏe học sinh đạt mức khá trở lên.
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình TH	Học tiếp chương trình TH	Học tiếp chương trình THCS

Ngọc Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2023

PHÓ TRƯỞNG



Bùi Thị Phi Nga

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1299	216	253	257	257	316
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	983	216	253	257	257	
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	2				2	
IV	Số học sinh chia theo năng lực						
1.	Tự phục vụ, tự quản						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1185 91.2%	200 92.6%	214 84.3%	222 86.4%	250 96.9%	299 94.6%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	113 8.7%	16 7.4%	38 15%	35 13.6%	7 2.7%	17 5.4%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.1%		1 0.4%			
2.	Hợp tác						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1174 90.3%	205 94.9%	228 90.1%	222 86.4%	227 88%	292 92.4%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	125 9.7%	11 5.1%	25 9.9%	35 13.6%	30 11.6%	24 7.6%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
3.	Tự học và giải quyết vấn đề						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1088 83.7%	190 88%	206 81.4%	208 80.9%	211 81.8%	273 86.4%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	210 16.1%	26 12%	46 18.2%	49 19.1%	46 17.8%	43 13.6%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.2%		1 0.4%			
4.	Ngôn ngữ						

a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	641 88%	194 89.8%	222 87.7%	225 87.5%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	84 11.5%	22 10.2%	30 11.9%	32 12.5%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.5%		1 0.4%			
5.	Tính toán						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	630 86.8%	197 91.2%	217 85.8%	216 84%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	95 13%	19 8.8%	35 13.8%	41 16%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.2%		1 0.4%			
6.	Khoa học						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	637 87.7%	198 91.7%	214 84.6%	225 87.5%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	88 12%	18 8.3%	38 15%	32 12.5%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.3%		1 0.4%			
7.	Thẩm mĩ						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	463 88%	202 93.5%	232 9.7%	229 89.1%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	63 12%	14 6.5%	21 8.3%	28 10.9%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
8.	Thể chất						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	680 93.6%	205 94.9%	238 94.1%	237 92.2%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	46 6.4%	11 5.1%	15 5.9%	20 7.8%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						

IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1.	Chăm học, chăm làm						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	495 86.4%				215 83.3%	280 88.6%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	78 13.6%				42 16.3%	36 11.4%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
2.	Tự tin, trách nhiệm						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	542 94.5%				250 96.9%	292 92.4%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	31 5.5%				7 2.7%	24 7.6%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
3.	Trung thực, kỉ luật						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	557 97%				255 98.8%	302 95.6%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	16 3%				2 0.8%	14 4.4%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
4.	Đoàn kết, yêu thương						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	568 99%				256 99.2%	312 98.7%
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5 1%				1 0.4%	4 1.3%
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
5.	Yêu nước						

a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	717 98.8%	216 100%	249 98.4%	252 98.1%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9 1.2%		4 1.6%	5 1.9%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
6.	Nhân ái						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	708 97.5	215 99.5%	239 94.5%	254 98.8%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	18 2.5%	1 0.5%	14 8.5%	3 1.2%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
7.	Chăm chỉ						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	620 85.3%	199 92.1%	203 80.2%	218 84.8%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	105 14.4%	17 7.9%	49 19.4%	39 15.2%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.3%		1 0.4%			
8.	Trung thực						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	706 97%	215 99.5%	247 97.6%	244 94.9%		
b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20 3%	1 0.5%	6 2.4%	13 5.1%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
9.	Trách nhiệm						
a.	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	645 89%	197 91.2%	228 90.1%	220 85.6%		

b.	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	81 11%	19 8.8%	25 9.9%	37 14.4%		
c.	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1.	Tiếng Việt						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1130 87%	195 90.3%	210 83%	222 86.4%	240 93.4%	263 83%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	168 12.9%	20 9.3%	43 17%	35 13.6%	17 6.6%	53 17%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.1	1 0.4%				
2.	Toán						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1090 83.9%	195 90.3%	203 80.2%	211 82%	204 79.4%	277 88%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	207 16%	20 9.3%	49 19.4%	46 18	53 20.6%	39 12%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.1	1 0.4%	1 0.4%			
3.	Khoa học						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	507 88.4%				234 91%	273 86.4%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	66 11.6%				23 9%	43 13.6%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
4.	Lịch sử và địa lý						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	486 85%				229 89%	257 81%

b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	87 15%				28 11%	59 19%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
5.	Đạo đức						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1188 91.4%	200 93%	210 83%	238 93%	247 96%	293 93%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	111 8.6%	16 7%	43 17%	19 7%	10 4%	23 7%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
6.	Tự nhiên xã hội						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	632 87%	197 91%	208 82%	227 88%		
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	94 13%	19 9%	45 18%	30 12%		
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7.	Âm nhạc (Nghệ thuật)						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1159 89.2%	185 86%	211 83.4%	227 88,3%	250 97.3%	286 91%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	140 10.8%	31 15%	42 16.6%	30 11.7%	7 2.7%	30 9%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
8.	Mĩ thuật (Nghệ thuật)						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1122 86.4%	196 90.7%	200 79%	220 85.6%	235 91.5%	271 86%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	177 13.6%	20 9.3%	53 21%	37 14.4%	22 8.5%	45 14%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

9.	Thủ công (Kĩ thuật)						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	538 93.8%				244 95%	294 93%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	35 6.2%				13 5%	22 7%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
10.	Thể dục (Giáo dục thể chất)						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1216 93.6%	202 94%	217 86%	237 92%	253 98.4%	307 97.2%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	83 6.4%	14 6%	36 14%	20 8%	4 1.6%	9 2.8%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
11.	Hoạt động trải nghiệm						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	653 90%	200 92.6%	216 85.4%	237 92%		
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	73 10%	16 7.4%	37 14.6%	20 8%		
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
12.	Tiếng Anh						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1051 81%	189 87.5%	209 82.6%	221 86%	200 78%	232 73.4%
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	248 19%	27 12.5%	44 17.4%	36 14%	57 22%	84 26.6%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
13.	Tin học						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1092 84%	193 89.3%	197 78%	219 85%	219 85%	264 84%

K. P. H. A. P. A.

b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	207 16%	23 10.7%	56 22%	38 15%	38 15%	52 16%
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
14.	Công nghệ						
a.	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	215 84%			215 84%		
b.	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	42 16%			42 16%		
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1297 99.8%	215	252	257	257	316
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1084 83.4%	175	181	195	244	289
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	17 1.3%		1		01	15
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	02 0.2%	01	01			

Kiến An, ngày 10 tháng 6 năm 2023



Bùi Thị Phi Nga

Số: 20../VB-THNS

Ngọc Sơn, ngày 03 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH
Dự kiến các khoản thu – chi năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định số 146/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Công văn 298/BHXH –TST ngày 09/8/2023 của BHXH quận Kiến An V/v hướng dẫn thực hiện triển khai BHYT HS, SV năm học 2023-2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Căn cứ Công văn số 6341/UBND-VX ngày 10/9/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Hải Phòng V/v thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT và Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 2779/UBND-GDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2023 UBND quận Kiến An v/v thực hiện thu học phí, các khoản thu trong trường học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 2543/UBND-GDDT ngày 25 tháng 8 năm 2023 UBND quận Kiến An về việc triển khai liên kết đào tạo giữa trung tâm TVTL và ĐTKN Hương Vân với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 2546/UBND-GDDT ngày 25 tháng 8 năm 2023 UBND quận Kiến An về việc triển khai liên kết đào tạo giữa trung tâm ngoại ngữ Hàng Hải với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 2547/UBND-GDDT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của UBND quận Kiến An về việc triển khai liên kết đào tạo giữa Trung tâm ngoại ngữ tin học Tiên Phát với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận năm học 2023-2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trường Tiểu học Ngọc Sơn xây dựng Kế hoạch dự kiến các khoản thu - chi năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. Khoản thu hộ: Bảo hiểm y tế

Mức thu:

Mức đóng 4,5% mức lương cơ sở hiện hành:

$1.800.000 \text{ đ} \times 4,5\% \times 70\% = 56.700 \text{ đồng/tháng}$

- Học sinh lớp 1: thu vào tháng 9/2023; khối 2,3,4,5: thu vào tháng 11/2023

II. Khoản thu theo quy định

1. Quỹ Vòng tay bè bạn: Theo văn bản của Quận đoàn Kiến An

2. Tiền ăn bán trú:

a. Mức thu: **30.000 đồng/ngày** (Cả bữa chính, bữa phụ, ga phụ phí)

b. Dự kiến chi: Bữa chính: 21.150 đồng

Bữa phụ: 5.000 đồng

Ga, phụ phí: 1.500 đồng

Thuế GTGT: 10% 2.350 đồng

3. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú

a. Dự kiến thu: (Chỉ thu đối với học sinh đăng kí ăn bán trú)

- Lớp 1: 300.000 đồng/hs/năm

- Lớp 2: 150.000 đồng/hs/năm

- Lớp 3: 100.000 đồng/hs/năm

- Lớp 4, Lớp 5: không thu

b. Dự kiến chi:

- Chi mua sắm bổ sung cơ sở vật chất phục vụ bán trú: bàn ghế bán trú, chăn, gối, khăn mặt, ca cốc, giá treo khăn, tủ chăn gối, ...

- Chi nộp thuế: 2%

4. Tiền chăm sóc bán trú:

a. Mức thu:

- Lớp 1,2,3,4,5: **150.000đ/tháng** (ăn 5 ngày/tuần)

b. Dự kiến chi:

ST T	MỤC CHI	Số tiền chi (% chi)
1.	Chi người nấu ăn, GV trông trưa	85%
2.	Công tác quản lý, chỉ đạo công tác bán trú	13%
3.	Nộp thuế	2%

5. Tiền quản lý học sinh ngoài giờ

a. Mức thu: **10.000 đồng/giờ**

b. Dự kiến chi:

STT	MỤC CHI	Số tiền (% chi)
1.	Chi giáo viên trực tiếp quản lý học sinh	80%
2.	Công tác quản lý, chỉ đạo	18%
3.	Chi nộp thuế	2%

6. Tiền học 2 buổi/ngày: Thực hiện thu đối với học sinh học 2 buổi/ngày 5 khối lớp

a. Mức thu: **30.000 đồng/tháng**

b. Dự kiến chi:

- + Hỗ trợ tiền điện dùng điều hòa
- + Hỗ trợ tiền nước sinh hoạt
- + Chi mua giấy vệ sinh, xà phòng, hóa chất tẩy rửa, dụng cụ vệ sinh...
- + Chi sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa định kì tại trường
- + Chi kinh phí kiểm tra, bảo dưỡng trạm biến áp định kì hàng năm của công ty điện lực Kiến An.
- + Chi hỗ trợ mua sắm CSVC phục vụ dạy học
- + Hỗ trợ các hoạt động giáo dục của học sinh.
- + Chi nộp thuế: 2%

7. Tiền học Tin học: (thu theo tháng đối với HS đăng ký học)

- Dự kiến thu: **12.000đ/tiết**

- **Không thực hiện thu đối với học sinh khối 3, khối 4**

8. Tiền học kĩ năng sống: (thu theo tháng đối với HS đăng ký học)

- Mức thu: **12.000 đồng/1 tiết.**

9. Tiền học thêm tiếng Anh do GV người Việt Nam dạy

Đối với môn Tiếng Anh theo chương trình của Bộ GD, nhà trường không đủ giáo viên biên chế dạy hết 5 khối lớp. Nhà trường hợp đồng liên kết với công ty cổ phần GD Tiên Phát để tổ chức dạy cho học sinh

Dự kiến thu: **12.000 đồng/tiết**



10. Học Tiếng Anh do GV người nước ngoài dạy

- Mức thu: **25.000 đồng/tiết** (Quy định mức tối đa là 40.000 đồng)

Học 4 tiết/tháng x 25.000 đồng/tiết = 100.000 đồng/tháng

11. Tiền nước uống cho học sinh

- Mức thu: **10.000 đồng/hs/tháng**
- Chi dịch vụ cung cấp bình nước lọc nóng, lạnh tại các lớp

12. Tiền trông xe đạp: (đối với học sinh đi xe đạp tới trường)

a. Dự kiến thu: **30.000 đồng/hs/tháng**

b. Dự kiến chi:

STT	MỤC CHI	Số tiền % chi
1.	Chi hỗ trợ người trông xe	70%
2.	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	20%
3.	Chi nộp thuế	10%

III. Khoản thu theo thỏa thuận: Khoản vận động tài trợ

- Căn cứ quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất nhà trường: cơ sở vật chất trong phòng học đã đầy đủ các trang thiết bị dạy học hiện đại. Nhà trường được nhà nước đầu tư xây mới sân khấu ngoài trời khu A

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng màn hình Led: nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

- Nhà trường dự toán tổng kinh phí dự kiến vận động: **331.100.000 đồng**

Nơi nhận:

- PGD&ĐT quận (trình);
- HĐND phường (b/c);
- PHHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Phi Nga